

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 5 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Dự và ông Hoàng Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: HKTT: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Đàm N, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/10/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Trần Thị H trình bày: Chị và anh Lương Đàm N là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 20/8/2015 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc và có một con chung tên là Lương Thị Hương T, sinh ngày 02/01/2016. Đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng

bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là quan điểm sống hai người khác nhau, anh N không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và sa vào tệ nạn ma túy. Đến khoảng cuối năm 2023, anh N bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản và sau đó bị TAND huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt tù giam.

Nay chị xác định cả hai không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lương Đàm N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lương Thị Hương T, sinh ngày 02/01/2016 hiện đang ở với anh N và ông bà nội của cháu. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 02/12/2024, chị H thông tin anh N đã chấp hành xong án phạt tù và quay về địa phương, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N; về con chung yêu cầu anh N trực tiếp nuôi con, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2025, bị đơn anh Lương Đàm N xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, con cái, tài sản, nợ chung như chị H đã khai báo với Tòa án là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bản thân anh thừa nhận mới đi chấp hành án phạt tù về cuối năm 2024. Quá trình vợ chồng anh vắng nhà thì bố mẹ đẻ của anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón cháu T đi học. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí, trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn N1 (bố đẻ của anh N) trình bày: Không biết việc H làm đơn yêu cầu ly hôn với N, thời gian còn sống chung với gia đình chưa từng chứng kiến hai vợ chồng N xảy ra xô xát nên ông cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng N chỉ là mâu thuẫn nhỏ. H bỏ nhà đi làm công nhân từ khi cháu T mới được 16 tháng tuổi, việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T chủ yếu do ông và vợ là Đàm Thị H thực hiện. Từ ngày H đi làm công nhân, thỉnh thoảng có gửi tiền về cho ông để giúp nuôi dưỡng cháu T. Đồng thời ông cũng xác nhận N vừa mới đi chấp hành án phạt tù về cuối năm 2024. Nay mong Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng N đoàn tụ. Trường hợp Tòa án quyết định cho ly hôn thì ông mong muốn Tòa giao cháu T cho N trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ông cam kết sẽ hỗ trợ N nuôi con.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N; về con chung yêu cầu anh N trực tiếp nuôi con, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2025; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N nhất trí với toàn bộ yêu cầu của chị H. Cụ thể: Nhất trí ly hôn, nhất trí trực tiếp nuôi con chung và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí để giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lương Đàm N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Lương Thị Hương T, sinh ngày 02/01/2016 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế). Chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị H và anh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chấp nhận sự tự nguyện của chị H nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ngoài ra, Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Lương Đàm N cư trú tại xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Tại phiên toà vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn N1. Tuy nhiên, tại biên bản giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét

xử ngày 18/4/2025, ông N đã đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ông. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn anh Lương Đàm N, yêu cầu anh N trực tiếp nuôi con và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Lương Đàm N tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 20/8/2015 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm đăng ký cả anh N, chị H đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh N là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau tại xóm N, xã K, tuy nhiên, sau đó đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh N không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và sa vào tệ nạn ma túy và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam. Vì vậy, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Anh N thừa nhận hai người đã ly thân từ năm 2022 đến nay nhưng không thừa nhận có mâu thuẫn như chị H trình bày. Tuy nhiên, do chị H kiên quyết muốn ly hôn nên anh hoàn toàn nhất trí. Từ những phân tích và nhận định trên đây thấy rằng, cuộc sống vợ chồng chị H, anh N không thể hàn gắn lại được, gia đình không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lương Đàm N.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh N có 01 con chung tên là Lương Thị Hương T, sinh ngày 02/01/2016 hiện đang sống cùng anh N và ông bà nội của cháu. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu anh N trực tiếp nuôi con chung và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung cháu Lương Thị Hương T có ý kiến: Hiện tại cháu đang sống cùng bố và ông bà nội. Trường hợp bố, mẹ ly hôn cháu mong muốn được sống với bố và ông bà nội. Trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà các đương sự đều nhất trí giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; thực tế cháu T đã sống cùng bố và ông bà nội của cháu từ nhỏ. Ngoài ra, ông Lương Văn N là ông nội của

cháu T cam kết sẽ hỗ trợ anh N nuôi con, tạo mọi điều kiện để T được học hành và đảm bảo các điều kiện sống khác.

Vì vậy, cần công nhận sự thoả thuận của chị H và anh N giao cháu T cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2025.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt vấn đề cần xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị H và anh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, chị H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lương Đàm N.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thoả thuận của chị H và anh N, giao cháu Lương Thị Hương T, sinh ngày 02/01/2016 cho anh Lương Đàm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2025.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt vấn đề cần xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị H và anh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn đề sung ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, chị H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng.

Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002745 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nay chị H còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông N1 vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng